

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 09/2023/HS-PT
Ngày 04 - 12 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm.

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn M do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2023/HS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn M, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1999 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị Thu H; có vợ Đoàn Thị H1 và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/02/2023 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M: Ông Lê Hoàng H2 – Luật sư Công ty L; địa chỉ: Số A P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 11/01/2023, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô biển số 76L3-7757 chở theo M đi từ nhà của M ở thôn H, xã H, huyện N vào tổ dân phố B, thị trấn M, huyện M. C và M ghé một quán cà phê uống nước, C lấy điện thoại ra gọi cho Phạm Ngọc S nhà ở thôn H, xã H, huyện N để rủ S vào tổ dân phố B, thị trấn M để giúp C nói chuyện về khoản nợ mà T đã vay nhưng không

chịu trả và chở T về nhà của T để nói chuyện trả nợ thì S đồng ý. Lúc này, S gọi điện thoại rủ Phạm Minh T1 đến chở S vào tổ dân phố B, thị trấn M, huyện M thì T1 đồng ý. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô biển số 76E1-592.71 đi từ nhà Thân ở thôn L, xã N, huyện T đến nhà của S để chở vào tổ dân phố B, thị trấn M, huyện M.

Sau khi rủ S xong thì C và M đến quán P2 ở tổ dân phố B, thị trấn M để tìm T. Tại đây, C và M gặp được T và nói T qua quán cà phê A ở gần đó để nói chuyện, C nói với T “Tiền đó bây giờ tính sao”, T nói “Đề từ từ tao trả”. C nói với T “Lần nào vào mày cũng hẹn, tao vào đây cũng hơn chục lần nhưng lần nào mày cũng bắt đợ”. Do bức xúc chuyện T chậm trả nợ nên C cầm điện thoại loại Mobistar của T ném vào người của T rồi Công lao đến đâm vào người của T một cái nhưng chỉ trúng sượt người của T, C tiếp tục cầm cái ghế trong quán đập vào người của T nhưng T dùng tay gạt đỡ được, thấy thế C tiếp tục lao đến đâm vào đầu của T ba cái thì chủ quán cà phê chạy ra can ngăn. Khoảng 10 phút sau, T1 điều khiển xe mô tô biển số 76E1-592.71 chở S đến quán cà phê. Vừa xuống xe, S đi đến chỗ T và nói “Số tiền đó mày tính chừng nào trả” S vừa nói xong Thanh chưa kịp trả lời thì S dùng tay đánh vào mặt của T một cái rồi nói T ra trước quán nói chuyện. Lúc này, S nói T “Bước lên xe, tao chở mày về nhà nói ông bà già mày trả tiền cho tao”, T nói “Em chuẩn bị đi làm nữa anh” thì S nói với T “Bước lên xe, lát tao chở mày đi, tao giết ông bà già mày luôn đờ”. Khi S vừa nói xong thì C đến nắm cổ áo của T xe mô tô biển số 76E1-592.71 của T1. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô trên chở T và S rời khỏi quán cà phê. Trên đường đi, S nói T1 chở T về nhà, còn C chở M trên xe mô tô biển số 76L3-7757 đi theo sau. Khi đến gần nhà của T thì C nói với S là để C chở T vào nhà của T để nói chuyện với ba mẹ của T, còn S và T1 thì đứng ở trước ngõ đợ. Khi vào nhà của T thì C, T và M gặp ba của T là ông Nguyễn Hoàng T2, nơi thường trú thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, C nói với ông T2 về khoản nợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) mà T đã vay của C nhưng T không chịu trả thì ông T2 nói không liên quan nên không trả giúp T.

T đi ra khỏi nhà rồi ngồi lên xe của C thì C chở T cùng M lên khu cầu M ở phía trên nhà của T thuộc thôn B, xã N, huyện T. T1 chở S đi theo sau xe của C. Khi đến nơi thì C dừng xe lại rồi C nói T xuống xe. Lúc này, C nói với T “Bây giờ mày giải quyết số tiền đó ra sao” thì T nói “anh đợ em ngày mai em có”, C nói “mày có gì đảm bảo ngày mai mày có tiền” thì T nói “cho em đến ngày 25 em trả” thì C nói “mày lấy gì đảm bảo đến ngày 25 mày sẽ trả” thì T không trả lời. Thấy vậy, S đi đến chỗ T đang đứng nói với T “sao mày hứa hẹn miết vậy” rồi S dùng tay đánh vào đầu của T ba cái thì T la lên “Á, đau quá anh S” nên S không đánh nữa. Sau đó, T nói với S “để em về thuyết phục ba mẹ đưa tiền để trả nợ cho anh” thì S nói “đưa nào chở thằng T về nhà hỏi tiền” thì C rủ T1 chở T quay lại nhà của T để nói chuyện nợ của T với ba mẹ. Khi đến nơi, T1 đứng ngoài sân đợ còn C và T đi vào nhà gặp mẹ của T yêu cầu trả nợ số tiền mười triệu đồng mà T đã vay nhưng mẹ của T nói không có tiền nên không trả, T nói chuyện với mẹ về việc lấy tiền trả nợ cho C nhưng mẹ của T không trả giúp. Sau đó, T đi theo C ra xe của T1

để quay lại cầu M gặp S và M đang đứng đợi ở đó. C nói với S “ba mẹ nó không chịu trả tiền cho nó” thì S nói với T1 là chở S về nhà để kiểm mỗi nhậu. Nghe vậy thì C nói “để em đi cùng với”.

C điều khiển xe mô tô biển số 76L3-7757 chở T cùng M vào nhà của S để tiếp tục nói chuyện. Tại trước sân nhà của S, C lại tiếp tục hỏi T về việc khi nào T trả khoản vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thì T im lặng. Lúc này, S dùng tay đánh vào đầu của T một cái rồi nói “mày lo mà kiếm tiền trả nợ cho bọn tao” thì T nói “để từ từ em trả”. Khoảng 10 phút sau, S đến hỏi T “giờ tiền bạc mày tính sao” thì T nói “để em ứng tiền ông chủ thử”. Lúc này, T mượn điện thoại của C để nhắn tin với Tăng Tuệ P (nhân viên phục vụ của quán P2) nhờ Tăng Tuệ P nói chủ quán Phố Chill là Trần Duy P1 cho T ứng tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) để trả nợ thì ông P1 đồng ý nhưng nói: “Nói thẳng T vào đây mới cho ứng lương”. Sau đó, T nói với C “ông chủ quán nói chở T vào rồi ông mới cho ứng một triệu năm trăm ngàn đồng”. Nghe vậy, C hỏi S “giờ tính sao anh” thì S nói “chở nó đi vào đó lấy tiền rồi chở nó về”. Nghe vậy, C rủ M chở T vào quán Phố C.

Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, C chở T và M đến quán P2 ở tổ dân phố B, thị trấn M, huyện M thì T vào gặp chủ quán để ứng số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) rồi T cầm ra đưa cho C. Sau khi nhận tiền xong, C nói T lên xe để C chở đi thì T không chịu đi cùng C. Lúc này, ông chủ quán Phố C1 nói C là để T ở lại làm việc đến hết 22 giờ thì mới đi được thì C đồng ý. Sau đó, C chở M về nhà của S nhậu.

Đến khoảng hơn 21 giờ 30 phút cùng ngày, C điều khiển xe mô tô biển số 76L3-7757 chở M vào lại quán P2 để tìm T. Thấy C và M đến thì T sợ nên trốn trên lầu 3 của quán, thấy vậy quản lý của quán P2 lên tầng 3 để gọi T xuống thì T xuống gặp C. C nói T ngồi lên xe chở đi nhưng T không đồng ý đi theo C. Lúc này, M đến nắm tay kéo T ra đường rồi dùng tay khoác lên cổ và vai, ép T lên xe mô tô biển số 76L3-7757 ngồi rồi C chở T và M rời khỏi quán Phố C đi ra đến đường Q thì M dùng tay đánh vào mặt của T hai cái còn C vừa lái xe vừa dùng tay phải giật cùi chỏ vào người của T và chở đến nhà của S. Lúc này, C nói với S về việc T không chịu đi theo thì S đến nói với T “Sao lúc này mày không chịu lên xe đi về” rồi S dùng tay đánh vào đầu của T một cái. Sau đó, M xuống xe đi bộ về nhà còn C chở T về phòng trọ của C ở thôn A, xã N, huyện T.

Tại phòng trọ, C nói với T “mày nhắm mai mày có trả không vậy” thì T nói “để coi thử, chắc là có”. Sau đó, T ngủ cùng với C ở phòng trọ của C. Đến khoảng gần 12 giờ ngày hôm sau (tức là ngày 12/01/2023) C chở T đến nhà của T rồi C nói T đi vào nhà còn C ngồi uống nước gần đó. T đi vào nhà thì ông Nguyễn Hoàng T2 (ba của T) nói T ở nhà, không được đi theo C nữa thì T đồng ý. Thấy vậy, C điều khiển xe mô tô biển số 76L3-7757 đi về nhà.

Ngày 13/01/2023, Nguyễn Văn T3 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M để trình báo sự việc trên (Bút lục số 13, 80-82, 120-123, 166-169, 201-203, 248-250).

Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Căn cứ vào các điểm d, e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên Nguyễn Văn C 03 năm 06 tháng tù, Phạm Văn S1 03 năm tù, Phạm Minh T1 02 năm tù cùng về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Đồng thời, còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/9/2023, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn M bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Văn C, Phạm Ngọc S, Nguyễn Văn M về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự; Phạm Minh T1 về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M, thì thấy: Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường tổn thất tinh thần cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo; hiện nay vợ bị cáo đang mang thai. Do người bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật, nếu có đủ căn cứ thì áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Luật sư Lê Hoàng H2 phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn M về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã biết lỗi và hối hận về hành vi phạm tội của mình nên đã bồi thường tổn thất tinh thần cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng, người bị hại đã tha thứ cho bị cáo nên đã có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo được cải tạo ở địa phương để chăm sóc gia

đình và vợ đang mang thai. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 năm cải tạo không giam giữ hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của Nguyễn Văn C, Phạm Ngọc S, Nguyễn Văn M, Phạm Minh T1: Do Nguyễn Văn T3 mượn của Nguyễn Văn C số tiền 10.000.000 đồng; đến thời hạn trả nợ, mặc dù C đã đòi nhiều lần nhưng T3 vẫn không trả tiền cho C. Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 11/01/2023, Nguyễn Văn C rủ Phạm Ngọc S, Nguyễn Văn M, Phạm Minh T1 đi tìm gặp T3 để đòi nợ. Khi gặp T3 bức tức vì T3 hẹn mình nhiều lần nhưng không trả nên C, S xông vào dùng tay chân đánh T3. Sau khi đánh T3 xong thì nhóm C chở T3 về nhà T3 để nói chuyện với ba, mẹ T3 về việc T3 nợ tiền của C nhưng không trả; ba của T3 nói không liên quan nên không trả tiền. Sau đó, nhóm C tiếp tục bắt, giữ T3 chở đến khu vực cầu M thuộc thôn B, xã N, huyện T; khi đến nơi C tiếp tục hỏi T3 về số nợ, T3 hẹn 25 ngày nữa sẽ trả thì C hỏi “*Mày lấy gì đảm bảo 25 ngày nữa sẽ trả*”, T3 không trả lời nên C dùng tay đánh T3, bị đánh đau thì T3 nói “*Để em về thuyết phục ba mẹ đưa tiền để trả nợ cho anh*”. C và T1 chở T3 quay lại về nhà T3 để T3 nói ba, mẹ trả nợ nhưng mẹ T3 nói không liên quan nên không trả. Sau đó, nhóm C chở T3 về nhà S, thì S tiếp tục hỏi T3 về số nợ thì T3 nói để T3 ứng tiền ông chủ 1.500.000 đồng trả cho C trước. Khoảng 18 giờ 00 phút, cùng ngày Công chở T3 và M đến quán P2 nơi T3 làm việc để ứng tiền trả nợ, sau khi trả 1.500.000 đồng cho C, vì chủ quán Phó C1 nói T3 đã cho ứng tiền phải ở lại làm việc đến khoảng 22 giờ 00 phút mới cho về nên C, M đi về để T3 ở lại làm việc. Đến khoảng hơn 21 giờ 30 phút cùng ngày, C điều khiển xe mô tô chở M vào lại quán P2 để tìm T3. Thấy C và M đến thì T3 sợ nên trốn, quản lý của quán P2 gọi T3 xuống gặp C. C nói T3 ngồi lên xe chở đi nhưng T3 không đồng ý thì bị M đến nắm tay kéo T3 ra đường rồi dùng tay khoác lên cổ và vai, ép T3 lên xe mô tô ngồi, rồi C chở T3 và M rời khỏi quán Phó C1 thì M dùng tay đánh vào mặt của T3 hai cái còn C vừa lái xe vừa dùng tay phải giật cùi chỏ vào người của T3 và chở đến nhà của S. Lúc này, C nói với S về việc T3 không chịu đi theo thì S đến nói với T3 “*Sao lúc này mày không chịu lên xe đi về*” rồi S dùng tay đánh vào đầu của T3 một cái. Sau đó, M xuống xe đi bộ về nhà còn C chở T3 về phòng trọ của C và T3 ngủ cùng với C ở phòng trọ của C. Đến khoảng gần 12 giờ ngày hôm sau (tức là ngày 12/01/2023) C chở T3 đến nhà của T3, ông Nguyễn Hoàng T2 (ba của T3) nói T3 ở nhà, không được đi theo C nữa, nghe vậy nên C điều khiển xe mô tô đi về nhà. Nguyễn Văn C, Phạm Ngọc S, Nguyễn Văn M bắt, giữ anh Nguyễn Văn T3 02 lần; Phạm Minh T1 bắt, giữ anh Nguyễn Văn T3 01 lần và tại thời điểm bị bắt giữ thì bị hại Nguyễn Văn T3 là người chưa thành niên (17 tuổi 9 tháng 27 ngày).

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Văn C, Phạm Ngọc S, Nguyễn Văn M về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự; Phạm Minh T1 về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M:

Bị cáo Nguyễn Văn M là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết rõ việc bắt giữ người trái pháp luật là xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác và bị pháp luật cấm nhưng bị cáo đã cùng Nguyễn Văn C, Phạm Ngọc S, Nguyễn Văn M bắt, giữ trái pháp luật anh Nguyễn Văn T3 02 lần. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là bị cáo đã bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Văn T3 số tiền 5.000.000 đồng và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng thêm cho bị cáo Nguyễn Văn M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội 02 lần trở lên và mỗi lần phạm tội đều là tội phạm nghiêm trọng, nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo*”, vì vậy kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn M không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với Phạm Minh T1 đã cùng với C, S, M bắt giữ trái pháp luật anh Nguyễn Văn T3 01 lần và bị cấp sơ thẩm xử phạt 02 năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự. Do tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Phạm Minh T1 nhẹ hơn so với bị cáo Nguyễn Văn M, nên tuy Phạm Minh T1 không có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt trong vụ án này, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn M thì cũng phải xem xét đối với hình phạt của Phạm Minh T1 để đảm bảo tính công bằng. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, giảm cho Phạm Minh T1 một phần hình phạt.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đề nghị của Luật sư được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M và Phạm Minh T1.

Áp dụng: Điểm d, e khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Phạm Minh T1 01 (Một) năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Bị cáo Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện Mộ Đức;
- Công an huyện Mộ Đức;
- THA dân sự huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang